

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 04 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

102
Cổ
H
KIỂM
V
VHS

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là Ông Nguyễn Ngọc Nam - Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 174/2022/UQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Nam

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2023

Số: 196 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 04 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đối với các khoản nợ phải thu ngắn hạn khó đòi với số dư quá hạn khó đòi khoảng 64 tỷ VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên khoảng 49,1 tỷ VND và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi giá trị tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trên diện tích đất Nông trường tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 21/2022/BCKT-CPA-CNSG-PHUTUNGCODIEN đề ngày 19 tháng 03 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số chỉ tiêu trình bày trên báo cáo năm trước được trình bày lại để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2023

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.221.165.821	96.917.060.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.344.968.711	2.144.505.711
1. Tiền	111		8.344.968.711	2.144.505.711
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	420.000	420.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		420.000	420.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.134.248.994	91.765.851.735
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	97.953.258.452	103.072.427.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	893.006.715	911.982.715
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	622.575.332	116.032.784
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.334.591.505)	(12.334.591.505)
IV. Hàng tồn kho	140		672.485.619	2.812.574.592
1. Hàng tồn kho	141	10	672.485.619	2.812.574.592
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		69.042.497	193.708.524
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	135.433.692
2. Thuế và các khoản các phải thu Nhà nước	153	15	69.042.497	58.274.832
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.519.474.201	12.483.949.929
I. Tài sản cố định	220		7.050.347.057	7.790.922.449
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.050.347.057	7.790.922.449
- Nguyên giá	222		25.543.968.718	25.101.641.772
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.493.621.661)	(17.310.719.323)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	3.599.895.717	2.899.181.924
- Nguyên giá	231		33.648.070.194	32.140.106.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.048.174.477)	(29.240.924.270)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		631.377.545	631.377.545
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		631.377.545	631.377.545
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	760.000.000	760.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		760.000.000	760.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		477.853.882	402.468.011
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	477.853.882	402.468.011
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		108.740.640.022	109.401.010.491

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.817.975.349	22.140.369.535
I. Nợ ngắn hạn	310		12.198.431.649	18.381.569.535
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.803.884.395	3.428.064.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.860	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.689.361.030	1.587.276.281
4. Phải trả người lao động	314		1.518.367.000	2.130.946.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		357.201.422	20.250.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	159.043.629
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	934.011.838	1.028.363.663
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	1.663.200.006	7.398.385.211
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.232.401.098	2.629.239.298
II. Nợ dài hạn	330		2.619.543.700	3.758.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	180.343.700	100.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	2.439.200.000	3.658.800.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.922.664.673	87.260.640.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	93.922.664.673	87.260.640.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.649.118.444	16.396.662.644
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.273.546.229	40.863.978.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.177.831.271	28.134.805.398
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.095.714.958	12.729.172.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		108.740.640.022	109.401.010.491



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2023

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	65.385.612.278	75.145.451.720
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		65.385.612.278	75.145.451.720
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	37.012.328.400	47.815.486.702
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.373.283.878	27.329.965.018
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	84.198.190	25.109.548
6. Chi phí tài chính	22	24	573.912.107	1.370.453.168
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		573.912.107	1.368.584.896
7. Chi phí bán hàng	25	25	456.581.931	484.752.640
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.948.513.740	10.997.325.658
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.478.474.290	14.502.543.100
10. Thu nhập khác	31		220.940	160.605.513
11. Chi phí khác	32		37.683.063	51.058.916
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(37.462.123)	109.546.597
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.441.012.167	14.612.089.697
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.345.297.209	2.087.531.686
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.095.714.958	12.524.558.011
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	4.365	3.530



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2023

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.441.012.167	14.612.089.697
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.181.866.727	1.995.226.406
- Các khoản dự phòng	03	-	305.732.930
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(84.198.190)	(25.109.548)
- Chi phí lãi vay	06	573.912.107	1.368.584.896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.112.592.811	18.256.524.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.784.515.137	7.086.773.589
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.140.088.973	2.177.978.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.468.537.043)	(6.513.397.096)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(75.385.871)	51.637.145
- Tiền lãi vay đã trả	14	(567.392.505)	(1.368.584.896)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.487.531.686)	(1.116.951.910)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(649.294.000)	(1.024.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.789.055.816	17.549.955.036
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.142.005.128)	(1.707.022.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.235.642	25.109.548
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.134.769.486)	(1.681.458.179)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.185.651.142	26.852.409.516
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.140.436.347)	(39.922.947.212)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.499.038.125)	(4.056.046.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.453.823.330)	(17.126.584.571)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.200.463.000	(1.258.087.714)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.144.505.711	3.402.593.425
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	8.344.968.711	2.144.505.711



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2023

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103584 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 11 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 33 người).

Hoạt động chính

- Kinh doanh phụ tùng vật tư, vật liệu.
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện Đắk Lắk	Số 15 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cơ khí và Dịch vụ	115A, Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Trung tâm dịch vụ cơ điện	Km 12, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cao su Cơ điện	Thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện tại Hải Phòng	Số 378 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành Phố Hải Phòng

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu ích ước tính (Số năm)
Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại cơ khí nông nghiệp, vật tư xây dựng và cho thuê mặt bằng, nhà kho, kiot,... Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Danh sách các bên liên quan

<u>Các bên Liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Công ty liên kết của MCG
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban lãnh đạo, Chủ sở hữu

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	214.145.119	169.452.374
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.130.823.592	1.975.053.337
Cộng	8.344.968.711	2.144.505.711

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là 50 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, mã chứng khoán HJS. Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2022 là 1.990.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.575.000 VND).

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Dài hạn	760.000.000	760.000.000	760.000.000	760.000.000
- Trái phiếu (i)	760.000.000	760.000.000	760.000.000	760.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	760.000.000	760.000.000	760.000.000	760.000.000

Ghi chú:

(i) Trái phiếu của tổ chức phát hành là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm:

- 30 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 27/9/2019, mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 8,97%/năm. Trái tức được thanh toán vào ngày 27/9 hàng năm, trái phiếu không có tài sản đảm bảo.
- 4.600 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 30/7/2020, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,58%/năm. Trái tức được thanh toán vào ngày 30/7 hàng năm, trái phiếu không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>18.100.273.335</i>	<i>17.493.768.540</i>
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	7.248.765.066
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng HTH	3.147.191.148	3.147.191.148
Đối tượng khác	7.704.317.121	7.097.812.326
<i>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>79.852.985.117</i>	<i>85.578.659.201</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	24.462.841.958	25.987.217.985
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	13.301.172.874	17.301.172.874
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	16.104.933.820	16.104.933.820
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	8.960.768.536	8.792.798.073
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	11.397.817.840	12.172.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	5.625.450.089	5.220.036.449
Cộng	<u>97.953.258.452</u>	<u>103.072.427.741</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Không Gian Việt	304.800.000	304.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hà Thành	200.000.000	200.000.000
Ningbo ETDZ Holding Ltd	149.106.142	149.106.142
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	-	167.672.000
Đối tượng khác	239.100.573	90.404.573
Cộng	<u>893.006.715</u>	<u>911.982.715</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	540.000.000	-	60.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	82.075.332	-	55.532.784	-
Cộng	<u>622.575.332</u>	<u>-</u>	<u>116.032.784</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	-	7.248.765.066	-
Công ty Cổ phần Gia phú	1.259.195.000	-	1.259.195.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Đức Ngươn	1.087.375.000	-	1.087.375.000	-
Công ty TNHH MTV Hà Anh Hưng	771.960.000	-	771.960.000	-
Công ty TNHH MTV Vật tư và Thiết bị nông nghiệp Sông Tiền	672.588.000	-	672.588.000	-
Công ty TNHH Chang Won Vina	605.732.930	-	605.732.930	-
Phòng KD 2 - Ông Bùi Xuân Hiền	300.111.600	-	300.111.600	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Hà Thành	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH Quang Khoa Đông Anh	167.106.574	-	167.106.574	-
Công ty Cổ phần Y tế Cuộc sống mới	21.757.335	-	21.757.335	-
Cộng	12.334.591.505	-	12.334.591.505	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	672.485.619	-	2.812.574.592	-
Cộng	672.485.619	-	2.812.574.592	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN
Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm (Trình bày lại)	12.438.316.196	7.457.138.342	5.170.687.234	35.500.000	25.101.641.772
Mua sắm mới	476.550.598	96.454.530	-	-	573.005.128
Giảm khác	(130.678.182)	-	-	-	(130.678.182)
Số cuối năm	12.784.188.612	7.553.592.872	5.170.687.234	35.500.000	25.543.968.718
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm (Trình bày lại)	11.565.863.467	1.985.621.977	3.723.733.879	35.500.000	17.310.719.323
Khấu hao trong năm	218.825.800	650.126.900	444.627.820	-	1.313.580.520
Giảm khác	(130.678.182)	-	-	-	(130.678.182)
Số cuối năm	11.654.011.085	2.635.748.877	4.168.361.699	35.500.000	18.493.621.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm (Trình bày lại)	872.452.729	5.471.516.365	1.446.953.355	-	7.790.922.449
Số cuối năm	1.130.177.527	4.917.843.995	1.002.325.535	-	7.050.347.057

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.373.650.008 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.159.999.625 VND).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.417.261.143 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.417.261.143 VND), giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 59.334.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 393.086.250 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm (Trình bày lại)	32.140.106.194	32.140.106.194
Mua sắm mới	1.569.000.000	1.569.000.000
Giảm khác	(61.036.000)	(61.036.000)
Số dư cuối năm	<u>33.648.070.194</u>	<u>33.648.070.194</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số đầu năm (Trình bày lại)	29.240.924.270	29.240.924.270
Khấu hao trong năm	868.286.207	868.286.207
Giảm khác	(61.036.000)	(61.036.000)
Số dư cuối năm	<u>30.048.174.477</u>	<u>30.048.174.477</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm (Trình bày lại)	<u>2.899.181.924</u>	<u>2.899.181.924</u>
Số dư cuối năm	<u>3.599.895.717</u>	<u>3.599.895.717</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không thu thập được thông tin tài sản so sánh phù hợp, vì vậy, chưa xác định được giá trị hợp lý này và vì vậy chưa trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm công ty tư vấn độc lập phù hợp để đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 25.991.892.145 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 26.052.928.145 VND).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.682.215.694 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.743.251.694 VND), giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 88.018.348 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 129.054.168 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	240.267.298	50.086.115
Chi phí trả trước dài hạn khác	237.586.584	352.381.896
Cộng	<u>477.853.882</u>	<u>402.468.011</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Cầu trục Thánh Khởi	980.680.250	980.680.250	1.193.244.250	1.193.244.250
Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	586.263.502	586.263.502	586.263.502	586.263.502
Công ty TNHH Xuất nhập Máy kéo Trung Quốc	84.043.117	84.043.117	84.043.117	84.043.117
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp	-	-	1.375.589.424	1.375.589.424
Đối tượng khác	152.897.526	152.897.526	188.924.560	188.924.560
Cộng	1.803.884.395	1.803.884.395	3.428.064.853	3.428.064.853

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	544.891.004	3.241.559.712	2.894.728.838	891.721.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	587.531.686	3.345.297.209	2.487.531.686	1.445.297.209
Thuế thu nhập cá nhân	111.053.591	434.587.798	537.099.446	8.541.943
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	343.800.000	4.926.841.085	4.926.841.085	343.800.000
Thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.040.560	7.040.560	-
Cộng	1.587.276.281	11.962.326.364	10.860.241.615	2.689.361.030
b) Phải thu				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	152.525	-	-	152.525
Thuế xuất nhập khẩu	17.771.857	-	-	17.771.857
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	26.736.665	26.736.665
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.350.450	168.681.659	152.712.659	24.381.450
Cộng	58.274.832	168.681.659	179.449.324	69.042.497

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	934.011.838	1.028.363.663
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phước An	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	734.011.838	828.363.663
b) Phải trả dài hạn khác	180.343.700	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	180.343.700	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.663.200.000	1.663.200.000	10.530.636.347	4.795.451.142	7.398.385.211	7.398.385.211
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	1.053.400.006	1.053.400.006	10.530.636.347	4.185.651.142	7.398.385.211	7.398.385.211
Vay dài hạn đến hạn trả	609.800.000	609.800.000	-	609.800.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	609.800.000	609.800.000	-	609.800.000	-	-
Vay dài hạn	2.439.200.000	2.439.200.000	1.219.600.000	-	3.658.800.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.439.200.000	2.439.200.000	1.219.600.000	-	3.658.800.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản vay tại ngày cuối năm theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 434/2021-HĐCVHM/NHCT142-PTCĐ ngày 01/11/2021, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31/10/2022. Hạn mức vay 21.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 71/2018-GĐBB/NHCT142 ngày 05/9/2018, Hợp đồng số 09/HĐTCTS ngày 09/12/2013, Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 02/6/2016.
- (ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 462/2020/HĐCVTL/NHCT142-PTCĐ ngày 09/11/2020, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay Đầu tư mua và lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị dây cáp điện và phụ kiện khác hình thành trong tương lai của hệ thống điện mặt trời áp mái và các quyền, lợi ích từ các hợp đồng bảo hiểm (nếu có) của tài sản này theo Hợp đồng thế chấp số 461/2020/HĐBB/NHCT142-PTCĐ ngày 09/11/2020.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	609.800.000	609.800.000
Trong năm thứ hai	609.800.000	609.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.829.400.000	1.829.400.000
Sau năm năm	-	609.800.000
Cộng	3.049.000.000	3.658.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	15.121.616.860	36.190.999.815	81.312.616.675
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.524.558.011	12.524.558.011
Trích lập các quỹ	-	1.275.045.784	(2.550.091.568)	(1.275.045.784)
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2020	-	-	(140.235.000)	(140.235.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2020	-	-	(576.000.000)	(576.000.000)
Giảm khác	-	-	(85.252.946)	(85.252.946)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	16.396.662.644	40.863.978.312	87.260.640.956
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.095.714.958	13.095.714.958
Trích lập các quỹ (i)	-	1.252.455.800	(2.504.911.600)	(1.252.455.800)
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2021 (i)	-	-	(105.235.441)	(105.235.441)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2022 (i)	-	-	(576.000.000)	(576.000.000)
Số dư cuối năm	30.000.000.000	17.649.118.444	46.273.546.229	93.922.664.673

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 96/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022. Trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng: 626.227.900 VND
- Trích lập quỹ phúc lợi: 626.227.900 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.252.455.800 VND
- Chia cổ tức tỷ lệ 15%: 4.500.000.000 VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm): 576.000.000 VND
- Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành: 105.235.441 VND

Trong năm, Công ty đã chi trả 2.233.845.000 VND cổ tức cho Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và 2.265.193.125 VND cho các cổ đông khác.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	14.892.300.000	49,64%	14.892.300.000	49,64%
Các cổ đông khác	15.107.700.000	50,36%	15.107.700.000	50,36%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ (USD)	4.471,81	4.485,01

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các hoạt động chính sau:

- Hoạt động bán hàng.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau:

Năm nay	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu	24.364.002.679	41.021.609.599	65.385.612.278
	24.364.002.679	41.021.609.599	65.385.612.278
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	591.097.142	27.782.186.736	28.373.283.878
Chi phí không phân bổ			(11.405.095.671)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.968.188.207
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			84.198.190
Chi phí từ hoạt động tài chính			(573.912.107)
Lãi/(Lỗ) khác			(37.462.123)
Lợi nhuận trước thuế			16.441.012.167
Thuế TNDN hiện hành			3.345.297.209
Lợi nhuận sau thuế			13.095.714.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau (Tiếp theo):

Năm trước	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu	37.313.212.039	37.832.239.681	75.145.451.720
	37.313.212.039	37.832.239.681	75.145.451.720
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	742.991.370	26.586.973.648	27.329.965.018
Chi phí không phân bổ			(11.482.078.298)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			15.847.886.720
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			25.109.548
Chi phí từ hoạt động tài chính			(1.370.453.168)
Lãi/(Lỗ) khác			109.546.597
Lợi nhuận trước thuế			14.612.089.697
Thuế TNDN hiện hành			2.087.531.686
Lợi nhuận sau thuế			12.524.558.011

b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	24.364.002.679	37.313.212.039
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.021.609.599	37.832.239.681
Cộng	65.385.612.278	75.145.451.720

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	23.772.905.537	36.570.220.669
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.239.422.863	11.245.266.033
Cộng	37.012.328.400	47.815.486.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.198.190	25.109.548
Cộng	84.198.190	25.109.548

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	573.912.107	1.368.584.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.868.272
Cộng	573.912.107	1.370.453.168

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm</i>	10.948.513.740	10.997.325.658
Chi phí nhân công	7.031.703.574	7.443.709.626
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	65.305.878	41.753.729
Chi phí khấu hao	426.812.000	407.791.920
Chi phí thuế, phí lệ phí	142.696.148	138.918.588
Chi phí dự phòng	-	554.074.130
Chi phí mua ngoài	604.129.930	531.115.890
Chi phí khác bằng tiền	2.677.866.210	1.879.961.775
<i>Chi phí bán hàng trong năm</i>	456.581.931	484.752.640
Chi phí nhân công	456.581.931	464.608.640
Chi phí bằng tiền khác	-	20.144.000

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.488.285.505	2.837.799.567
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	1.418.199.078	36.611.974.398
Chi phí khấu hao	2.181.866.727	2.037.132.025
Chi phí dự phòng	-	3.195.384.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.231.770.595	6.479.038.026
Chi phí khác bằng tiền	6.957.174.129	7.551.484.155
Cộng	24.277.296.034	58.712.812.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.441.012.167	14.612.089.697
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế (*)	285.473.879	298.850.916
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	285.473.879	298.850.916
Chi phí không được trừ	285.473.879	298.850.916
Thu nhập chịu thuế	16.726.486.046	14.910.940.613
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.345.297.209	2.982.188.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	894.656.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.345.297.209</u>	<u>2.087.531.686</u>

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.095.714.958	12.524.558.011
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.252.455.800)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách	-	(576.000.000)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	-	(105.235.441)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.095.714.958	10.590.866.770
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.365</u>	<u>3.530</u>

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, do đó chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 96/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 4.175 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch bên bên quan phát sinh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO	11.539.200.651	4.365.778.800
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	375.383.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản MECO	7.736.125.298	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	204.834.400	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	-	10.117.342.934
Công ty Cổ phần Bất động sản MECO	-	13.256.572.772

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn An	Chủ tịch HĐQT	288.000.000	288.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	502.284.000	496.699.200
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc	305.652.000	300.004.800
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	254.131.300	251.228.400
Bà Trần Thu Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	144.000.000	144.000.000
Ông Lê Văn Bảy	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Bà Vũ Thúy An	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2022, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	4.102.400.006	11.057.185.211
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.344.968.711	2.144.505.711
Nợ thuần	-	8.912.679.500
Vốn chủ sở hữu	93.922.664.673	87.260.640.956
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.344.968.711	2.144.505.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.701.242.279	90.793.869.020
Đầu tư tài chính	760.420.000	760.420.000
Cộng	94.806.630.990	93.698.794.731
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.102.400.006	11.057.185.211
Phải trả người bán và phải trả khác	2.918.239.933	4.556.428.516
Chi phí phải trả	357.201.422	20.250.000
Cộng	7.377.841.361	15.633.863.727

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.344.968.711	-	8.344.968.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.701.242.279	-	85.701.242.279
Đầu tư tài chính	420.000	760.000.000	760.420.000
Cộng	94.046.630.990	760.000.000	94.806.630.990
Số cuối năm			
Các khoản vay	1.663.200.006	2.439.200.000	4.102.400.006
Phải trả người bán và phải trả khác	2.737.896.233	180.343.700	2.918.239.933
Chi phí phải trả	357.201.422	-	357.201.422
Cộng	4.758.297.661	2.619.543.700	7.377.841.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.288.333.329	(1.859.543.700)	87.428.789.629
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.144.505.711	-	2.144.505.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.793.869.020	-	90.793.869.020
Đầu tư tài chính	420.000	760.000.000	760.420.000
Cộng	92.938.794.731	760.000.000	93.698.794.731
Số đầu năm			
Các khoản vay	7.398.385.211	3.658.800.000	11.057.185.211
Phải trả người bán và phải trả khác	4.456.428.516	100.000.000	4.556.428.516
Chi phí phải trả	20.250.000	-	20.250.000
Cộng	11.875.063.727	3.758.800.000	15.633.863.727
Chênh lệch thanh khoản thuần	81.063.731.004	(2.998.800.000)	78.064.931.004

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

